

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 265/2020/HNGĐ-ST

Ngày : 05/5/2020

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Chính
2. Ông Nguyễn Hoàng Long

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Trúc Phương – CBTA.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Hồng Phúc- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn- tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết T - SN: 1970

Địa chỉ: Tổ 48, Khu vực 9, phường Đ, thành phố Quy Nhơn, Bình Định

Bị đơn: Anh Hồ Văn D- SN: 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 48, Khu vực 9, phường Đ, thành phố Quy Nhơn, Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 17/02/2020 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết T trình bày:

Chị và anh Hồ Văn D kết hôn năm 1992, tự nguyện đăng ký tại UBND phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, Bình Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D hay say rượu, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Chị đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh D không thay đổi. Hiện tại, chị và anh D còn sống chung một nhà nhưng phần ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay tình cảm, trách nhiệm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không hàn gắn được nên yêu cầu ly hôn anh Hồ Văn D.

Về quan hệ con chung: Chị và anh Hồ Văn D có 02 con chung là: Hồ Thị Thu

O- SN:1993 và Hồ Thị Hồng T- SN:1998. Các con đều đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Hồ Văn D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết, không có nợ chung.

Tại bản khai ngày 19/02/2020 và biên bản kiểm tra tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 24/02/2020, bị đơn anh Hồ Văn D trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Tuyết T tự nguyện đăng ký kết hôn năm 1992, tại UBND phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, Bình Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường đến tháng 7/2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do do kinh tế gia đình gặp khó khăn nên vợ chồng thường xuyên kinh cãi. Nay tình cảm trách nhiệm vợ chồng không còn, nhưng vì sợ ảnh hưởng đến các con, nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị Tuyết T.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị Tuyết T có 02 con chung: Hồ Thị Thu O- SN:1993 và Hồ Thị Hồng T- SN:1998. Các con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh và chị Nguyễn Thị Tuyết T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết, không có nợ chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Thẩm phán đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật TTDS sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo qui định của pháp luật TTDS.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Hồ Văn D vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt anh D quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Tuyết T kiên quyết yêu cầu ly hôn. Còn tại bản khai ngày 19/2/2020 anh D không đồng ý ly hôn, nhưng cũng thừa nhận tình cảm trách nhiệm vợ chồng không còn. Cho nên, chị T yêu cầu ly hôn anh D là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Vụ án có quan hệ pháp luật “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Hồ Văn D, trú tại Tổ 48, Khu vực 9, phường Đ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên tòa, anh Hồ Văn D đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh D quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Pháp luật nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết T và anh Hồ Văn D tự nguyện đăng ký kết hôn theo Chứng nhận kết hôn số: 85, quyển số 01 ngày 07/11/1992 của UBND phường Hải C, thành phố Quy Nhơn là đúng quy định Luật hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân giữa chị T và anh D là hợp pháp.

Tại phiên Tòa: Chị T kiên quyết yêu cầu ly hôn anh D. Tại bản khai ngày 19/02/2020 và biên bản kiểm tra tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 24/02/2020 anh D thừa nhận: vợ chồng thường xuyên kinh cãi, tình cảm trách nhiệm vợ chồng không còn, nhưng nại vì sợ ảnh hưởng đến các con mà không đồng ý ly hôn là không có căn cứ. Cho thấy, hôn nhân giữa chị T và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Nguyễn Thị Tuyết T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Hồ Văn D là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh D thống nhất có 02 con chung: Hồ Thị Thu O- SN:1993 và Hồ Thị Hồng T- SN:1998, không yêu cầu giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết T và anh Hồ Văn D không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết T phải chịu 300.000 đồng án phí DS-ST.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2006/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tuyết T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết T được ly hôn anh Hồ Văn D.
2. Về con chung, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Tuyết T và anh Hồ Văn D có 02 con chung là: Hồ Thị Thu O- SN:1993 và Hồ Thị Hồng T- SN:1998, không yêu cầu giải quyết nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử không giải quyết.
3. Tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết T và anh Hồ Văn D không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.
4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí DS-ST nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0007565 ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (chị T đã nộp xong).
5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Tuyết T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Hồ Văn D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSNDTP. Quy Nhơn;
- UBND P. Đống Đa;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Văn Hiệp